

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan.

Ông Lành Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2026/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 1 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1994; số định danh cá nhân: 027194012519; nơi thường trú: Số A, đường V, phường L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Tòa nhà G, C, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Xuân H, sinh năm 1981; số định danh cá nhân: 020081009463; nơi thường trú: Số A, đường V, phường L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại Đội 22, Phân trại số 02, Trại giam T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 14 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H tự nguyện kết hôn. Ngày 26-11-2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Cao Xuân H có rất nhiều mối quan hệ ngoài luồng với nhiều phụ nữ khác. Nhiều lần anh Cao Xuân H đánh chị Nguyễn Thị Ngọc Á chảy máu. Năm 2022, vợ chồng sống ly thân. Đến

khoảng cuối năm 2023, anh Cao Xuân H bị bắt do phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong khoảng thời gian sống ly thân, hai bên không có liên lạc gì với nhau, không quan tâm tới nhau, ai sống ra sao thì sống. Kể từ khi anh Cao Xuân H bị bắt thì hai bên cũng không có liên lạc gì với nhau. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Cao Xuân H. Do đó, chị Nguyễn Thị Ngọc Á yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Xuân H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Cao Xuân H trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Á và cho rằng ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc Á là không đúng sự thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa: Do nguyên nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau viết tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ chối nhận văn bản, từ chối làm việc với Toà án và từ chối ký vào biên bản là thực hiện chưa đúng khoản 12 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H thường xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau, vợ chồng sống ly thân, anh Cao Xuân H có hành vi bạo lực với chị Nguyễn Thị Ngọc Á. Do đó, cuộc hôn nhân này nếu tồn tại sẽ không đem lại hạnh phúc cho hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Cao Xuân H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Á với anh Cao Xuân H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có. Do đó, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Cao Xuân H có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Lạng Sơn) cấp ngày 26 tháng 11 năm 2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Cao Xuân H có hành vi bạo lực gia đình (đánh chị Nguyễn Thị Ngọc Á, chị Á có giao nộp bản ảnh cho Tòa án để chứng minh). Vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Ngoài ra, anh Cao Xuân H vi phạm pháp luật và phải chấp hành án tại Trại giam T. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Cao Xuân H không còn có tình nghĩa vợ chồng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh Cao Xuân H của chị Nguyễn Thị Ngọc Á, không có căn cứ chấp nhận ý kiến không đồng ý ly hôn của anh Cao Xuân H.

[6] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Ý kiến của của Kiểm sát viên tham gia phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn anh Cao Xuân H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001237 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc Á đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND P. Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp